

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Chuyển giao công nghệ sản xuất	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	242.000.000	272.078.682	514.078.682
Số dư cuối kỳ	242.000.000	272.078.682	514.078.682
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	242.000.000	189.783.275	431.783.275
- Khấu hao trong kỳ	-	15.199.457	15.199.457
Số dư cuối kỳ	242.000.000	204.982.732	446.982.732
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	82.295.407	82.295.407
Tại ngày cuối kỳ	-	67.095.950	67.095.950

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 242.000.000 VND

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất	Cơ sở hạ tầng	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	7.790.504.686	17.409.176.096	25.199.680.782
Số dư cuối kỳ	7.790.504.686	17.409.176.096	25.199.680.782
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.036.854.643	5.665.868.635	7.702.723.278
- Khấu hao trong kỳ	86.561.163	378.697.942	465.259.105
Số dư cuối kỳ	2.123.415.806	6.044.566.577	8.167.982.383
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	5.753.650.043	11.743.307.461	17.496.957.504
Tại ngày cuối kỳ	5.667.088.880	11.364.609.519	17.031.698.399

13. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2015		Trong kỳ		30/06/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	980.000.000	980.000.000		980.000.000	-	
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	760.000.000	760.000.000		760.000.000	-	
- Vay CBCNV(*)	656.000.000	656.000.000	-	230.000.000	426.000.000	426.000.000
	2.396.000.000	2.396.000.000	-	1.970.000.000	426.000.000	426.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(*) Vay cá nhân được thực hiện thông qua các khế ước vay có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng. Lãi suất theo từng khế ước vay cụ thể dao động từ 0%/ năm đến 15%/năm. Vay theo hình thức tín chấp.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Bưu điện	77.629.965.781	77.629.965.781	43.148.907.764	43.148.907.764
- SHENZHEN KEXIN Communication Technologies Co.LTD	-	-	10.134.869.081	10.134.869.081
- Phải trả các đối tượng khác	9.728.004.694	9.728.004.694	13.258.653.864	13.258.653.864
	87.357.970.475	87.357.970.475	66.542.430.709	66.542.430.709

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	3.587.465.043	9.955.605.900	12.186.236.212	-	1.356.834.731
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	799.776.665	815.680.893	1.356.887.997	-	258.569.561
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.240.174	56.212.510	56.212.510	-	1.240.174
	-	4.388.481.882	10.827.499.303	13.599.336.719	-	1.616.644.466

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	9.968.333
- Trích trước chi phí nguyên vật liệu của công trình đã ghi nhận doanh thu	1.649.904.573	1.222.580.935
- Trích trước chi phí chung của công trình đã ghi nhận doanh thu	2.478.997.166	4.782.788.301
	4.128.901.739	6.015.337.569

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	29.133.497.423	29.893.950.380
- Kinh phí công đoàn	52.712.986	52.996.785
- Cổ tức phải trả	51.723.770	51.723.770
- Chi phí công trình phải trả các đội thi công	25.517.077.367	25.760.617.053
- Chi phí công trình chưa chi trả các đội thi công	3.097.010.500	3.509.155.608
- Phải trả khác	414.972.800	519.457.164
b) Dài hạn	648.765.509	648.765.509
- Nhận tiền đặt cọc thuê chung cư, nhà xưởng	648.765.509	648.765.509
	29.782.262.932	30.542.715.889

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước từ cho thuê tài sản	-	213.642.254
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động xây lắp	166.173.000	166.173.000
	166.173.000	379.815.254

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	57.131.343.889	(2.511.165.126)	11.102.793.163	(35.074.082.928)	110.648.888.998
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	584.056.282	584.056.282
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(620.597.134)	(620.597.134)
Chi thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(63.000.000)	(63.000.000)
Số dư cuối kỳ trước (*)	80.000.000.000	57.131.343.889	(2.511.165.126)	11.102.793.163	(35.173.623.780)	110.549.348.146
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	57.131.343.889	(2.511.165.126)	11.102.793.163	(31.271.690.797)	114.451.281.129
Lãi/(lỗ) trong kỳ này	-	-	-	-	2.905.364.752	2.905.364.752
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(454.718.926)	(454.718.926)
Chi thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(64.800.000)	(64.800.000)
Số dư cuối kỳ này	80.000.000.000	57.131.343.889	(2.511.165.126)	11.102.793.163	(28.885.844.971)	116.837.126.955

Theo Nghị quyết ngày 24/4/2015 của Đại hội cổ đông thường niên, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Không bao gồm số dự phòng tổn thất trích lập năm 2014)

- Chi thù lao cho HĐQT, BKS quý 3+4/2013 và quý 1+2/2014

Trong đó thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS không tham gia trực tiếp điều hành Công ty được trích từ lợi nhuận sau thuế đã chi trong kỳ số tiền là: 64.800.000 đồng.

(*) Năm 2014 theo chủ trương của Đại hội đồng cổ đông về vấn đề xử lý các khoản tồn đọng, Công ty đã thực hiện rà soát, trích lập dự phòng đối với các khoản công nợ phải thu khó đòi, các khoản tồn đọng khác và điều chỉnh hồi tố vào các năm phát sinh tương ứng. Tổng số dự phòng tổn thất đã điều chỉnh hồi tố là 42.220.730.943 đồng, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đã điều chỉnh hồi tố là 1.936.976.119 đồng. Do đó, nếu đem so sánh với Báo cáo tài chính cùng kỳ năm trước đã công bố thì chỉ tiêu số dư Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 30/06/2014 trình bày ở báo cáo trước đây sẽ chênh lệch với số dư chi tiêu Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 30/06/2014 trình bày tại thuyết minh này số tiền 44.157.707.062 đồng.